

HIỆN TRẠNG TU TẬP CỦA TU NỮ PHẬT GIÁO NAM TÔNG KINH HIỆN NAY

Tóm tắt: *Tu nữ Nam tông và tu nữ Nam tông Kinh hiện chiếm một vị trí khá khiêm tốn, chưa có nhiều ảnh hưởng trong giáo hội cũng như đối với xã hội. Tại Việt Nam, Phật giáo hệ phái Nam tông trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng không thừa nhận Giáo đoàn Tỳ kheo ni. Mặc dù vậy, tu nữ Nam tông Kinh đã và đang có những hoạt động và đóng góp đối với cộng đồng và xã hội. Bài viết góp phần làm rõ về tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh nói chung, nhất là hiện trạng tu tập của tu nữ Nam tông Kinh ở Việt Nam hiện nay.*

Từ khóa: *Tu nữ; Phật giáo Nam tông, người Kinh; tu tập.*

Dẫn nhập

Hiện nay, Phật giáo Nguyên thủy ở một số quốc gia chỉ tồn tại hình thức Tỳ kheo và Tu nữ, không có Tỳ kheo ni. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có một số quốc gia theo Phật giáo Nguyên thủy có tư tưởng cấp tiến muốn phục hoạt hình ảnh Tỳ kheo ni thông qua những Tỳ kheo ni thừa kế dòng truyền thừa từ Sri Lanka đến Trung Quốc vào thế kỷ V, như: Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Ấn Độ,... Song, nhu cầu này hiện đang vấp phải những phản ứng trái chiều từ các phía về việc thừa nhận hay không tổ chức Giáo đoàn Tỳ kheo ni, mặc dù trên thực tế, hình thức tu tập Tỳ kheo ni vẫn đang tồn tại ở một số các quốc gia. Về cơ bản, hầu hết đều không thừa nhận tổ chức Giáo đoàn Tỳ kheo ni trên phương diện chính thống với lý do cho rằng, sau khi Trưởng lão Ni Mahāpajāpatī Gotamī và 500 vị A la hán Ni nhập Niết Bàn thì cũng có nghĩa truyền thừa của hệ phái này chấm dứt.

* Khoa Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội.

Ngày nhận bài: 15/6/2018; Ngày biên tập: 20/6/2018; Ngày duyệt đăng: 25/6/2018.

Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Tại Việt Nam, Phật giáo hệ phái Nam tông trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng không thừa nhận Giáo đoàn Tỳ kheo ni bởi lý do lịch sử như đã phân tích ở trên. Từ khi du nhập cho đến nay, Ni giới Việt Nam nói chung, Tu nữ Nam tông nói riêng, có vị trí khá khiêm tốn trong các tài liệu nghiên cứu. Trong khi Ni giới hệ phái Bắc tông và Khất sĩ đã có những công trình nghiên cứu khá đầy đủ thì Tu nữ Nam tông Kinh (người Kinh - TG) chỉ được đề cập mờ nhạt thông qua một số tư liệu nghiên cứu của hệ phái Phật giáo Nguyên thủy. Mặt khác, hoạt động của Tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh còn khá khép kín, vì thế, sự ảnh hưởng, lan tỏa của Tu nữ Nam tông Kinh bị hạn chế đối với trong và ngoài đạo. Bài viết góp phần làm rõ về tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh nói chung, nhất là thực trạng tu tập của tu nữ Nam tông Kinh ở Việt Nam hiện nay.

1. Nền tảng tu tập của Tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh

1.1. Điều kiện trở thành Tu nữ

Đầu tiên, người nữ muốn xuất gia phải tự nguyện, muốn lìa bỏ thế tục, sống đời thoát tục, khước từ mọi dục vọng để thực nghiệm con đường Giới - Định - Tuệ tiến đến giác ngộ giải thoát. Kế đến là được sự cho phép của cha mẹ, sự đồng ý của chồng (nếu có). Đây là những luật định từ khi Đức Phật còn tại thế¹. Dựa trên những quy định vừa nêu, Nội quy Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN cũng có những quy định cụ thể. Bên cạnh đó, người nữ trước khi xuất gia có hai điều kiện quan trọng: Thầy tế độ xuất gia và lễ xuất gia. Nghĩa là, người nữ xuất gia phải được sự chấp thuận của chư Tăng và giới thiệu sang chùa Tu nữ để được hướng dẫn ít nhất 3 tháng tập sự để các Tu nữ dạy các oai nghi tế hạnh, kinh luật, nội quy sinh hoạt của tự. Điều này, giúp ích cho người muốn xuất gia trải nghiệm thực sự qua nếp sống thiền môn để xác lập lý tưởng, xem người muốn xuất gia có quyết tâm xuất gia hay vì lý do gì đó mà muốn xuất gia.

Thầy tế độ xuất gia: Thầy tế độ đối với người nữ xuất gia rất quan trọng. Thầy là điểm nương tựa, hướng dẫn, chỉ bày rèn luyện, trau dồi về đạo hạnh. Theo Kinh tạng, Đức Phật dạy, một vị thầy phải có năm

nghĩa vụ đối với học trò: “Ngăn họ không làm điều ác; khuyến khích họ làm điều thiện; thương xót họ với tâm từ bi, dạy họ những điều chưa nghe; làm cho thanh tịnh điều đã được nghe; chỉ bày con đường đưa đến cõi Trời”².

Lễ xuất gia: Nghi thức xuất gia tồn tại từ thời Đức Phật còn tại thế. Thời gian đầu, đích thân Ngài thực hiện nghi thức này cho các giới tử (người phát tâm xuất gia): “Hãy đến đây này chư sư, Giáo pháp đã được công bố tốt đẹp. Hãy sống đời phạm hạnh (Brahmacariyam) để trọn vẹn chấm dứt đau khổ (dukkha)”. Khi Phật giáo phát triển nhiều nơi, vấn đề đi lại khó khăn, Đức Phật cho phép hàng Tỷ kheo được xuất gia cho những người phát tâm³.

Đến khi người nữ xin phép Đức Phật xuất gia, hình thức xuất gia có sự khác biệt với người nam. Nếu người nam phát tâm từ bỏ đời sống phàm tục để sống đời phạm hạnh, Đức Phật cho phép và chính thức xuất gia truyền trao giới pháp tu tập trở thành một thành viên của Tăng già, người nữ “xuất gia bằng mệnh lệnh thọ Bát kinh pháp suốt đời”⁴. Từ đó, theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, người nữ xuất gia ngoài giới pháp lĩnh thọ đều phải tuân thủ *Tám trọng pháp*.

Hiện nay, các tự viện chấp thuận một thành viên xuất gia cần phải tuân thủ theo những quy định của Hiến chương Giáo hội hiện hành (Hiến chương dựa trên quy định của Kinh, Luật) để phù hợp với quốc gia sở tại. Người nữ tập sự khi đã quen dần nếp sống xuất gia, hoàn thành thủ tục đơn xin xuất gia sau đó được tiến hành lễ xuất gia tại chùa Tăng (trước đây chưa có chùa tu nữ độc lập), kể đến sẽ được diễn ra một lần nữa tại các chùa tu nữ (chùa tu nữ nằm chung khuôn viên với chùa Tăng). Ngày nay, số lượng chùa tu nữ được Giáo hội công nhận là cơ sở thờ tự văn hóa nên mọi sinh hoạt tôn giáo thuận lợi hơn, người nữ được tiến hành lễ xuất gia trực tiếp tại chùa tu nữ dưới sự chứng minh của Thầy tế độ (Tăng).

Giới pháp lĩnh thọ: Giới luật Đức Phật chế ra với mục đích giúp cho hàng đệ tử gạn lọc thân tâm đưa đến đời sống an lạc giải thoát. Bất kỳ người xuất gia thuộc hệ phái nào cũng phải nương vào giới luật làm nền tảng tu tập, vì Giới luật là vị Thầy cao cả - lời di huấn của Đức Thế Tôn trước khi nhập Niết Bàn: “Này Ananda, Pháp và Luật,

Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo Sư của các người”⁵.

Vấn đề tu nữ, trong Luật không quy định về giới pháp cụ thể, mà tám hoặc mười giới hiện nay tu nữ hành trì là do nhu cầu tâm linh của những người nữ muốn được xuất gia, sống trong môi trường thiền môn đến trọn đời nên hình ảnh tu nữ được hình thành. Hiện nay, theo công văn đăng ký năm 2013 của Hòa thượng Thiện Tâm - Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Giới luật Tu nữ thọ trì bao gồm tám giới hoặc mười giới; hành trì Bát kinh pháp; nghiêm túc giữ mười điều trục xuất; mười điều Hành phạt; mười điều học; 75 Ứng học pháp. Vậy, tổng cộng Giới Tu nữ là 111 giới. Nghi thức xuất gia, Thầy bổn sư truyền giới phải là Tăng, trưởng lão Tu nữ trao Pháp y. Một tháng có hai ngày 15 và 30 hằng tháng đến xin giới ở Tỳ kheo tăng và học giáo giới. Pháp y của Tu nữ hiện nay có 3 màu đăng ký với GHPGVN, đó là màu trắng, màu nâu và màu hồng. Màu trắng là màu chính thống⁶.

Như vậy, hiện tại tu nữ sẽ lĩnh thọ Giới và chi điều của giới gồm 111, gồm *Mười giới*, *75 điều ứng học pháp* dạy về oai nghi của người xuất gia trong cuộc sống sinh hoạt thường nhật được chia thành 7 phần như sau:

1. *Phần tròn đều*: Từ điều 1-10 (từ Điều 1-4 hướng dẫn cách mặc y, 5-10 cung cách trang nghiêm đi vào xóm làng).
2. *Phần cười vang*: Từ điều 11-20 (nhấn mạnh phần nói cười, cười nói phải từ tốn, không được nói quá lớn, không nên quá nhỏ. Cười nói như Luật định).
3. *Phần chống nạnh*: Từ điều 21-30 (thể hiện thân tướng trang nghiêm của người xuất gia, không được chống nạnh, trùm đầu... mà đi ung dung tự tại vào làng xóm khát thực).
4. *Phần trang nghiêm*: Từ điều 31-40 (cách thọ dụng vật thực phải trang nghiêm, không được nhìn ngó xung quanh, chú tâm tỉnh giác vào bình bát mình để thọ thực).
5. *Phần vắt com*: Từ điều 41-50 (hướng dẫn cách ăn cho trang nghiêm).

6. *Phần tiếng sột sột*: Từ điều 51-60 (cung cách người xuất gia phải nhẹ nhàng, thanh thoát, khi ăn trong chính niệm tỉnh giác không tạo ra tiếng ồn).

7. *Phần giày dép*: Từ điều 61-75 (thể hiện sự tôn trọng giáo pháp).

Như vậy, Giới luật là điều kiện giúp thanh lọc mọi phiền não - nhiễm ô trong tâm thức, chế phục được những tập khí giúp đạt đến thanh tịnh giải thoát.

1.2. Về đời sống cộng đồng

Đối với người xuất gia, ngoài việc hành trì những giới pháp lĩnh thọ còn gọi là phần “chỉ trì” (đời sống cá nhân, tức là *sự đình chỉ và giữ gìn không làm những việc ác, được gọi là trì giới.*), tu nữ cần phải thực thi những pháp sự “tác trì” (pháp hành, tức là *thực thi các pháp sự đúng pháp*) quy định trong đời sống cộng đồng với các nghi lễ, như: Bồ Tát, An cư, Tụ tứ và ứng xử trong cộng đồng,... Mỗi một nghi lễ đều có ý nghĩa riêng, với mục đích nhằm để duy trì và phát triển nếp sống phạm hạnh, đem đến lợi lạc cá nhân và cộng đồng.

Đức Phật đã dạy năm điều ích lợi trong đời sống cộng đồng: “Đầy đủ về uy nghi, đầy đủ về trách nhiệm, nghe nhiều, thọ trì điều được nghe; biết sống đoan giảm, ưa thích Thiền tịnh; lời nói hiền thiện, là người nói lời hiền thiện; có trí tuệ, không đần độn, không căm tức”⁷.

Đối với tu nữ, Uposatha gọi là “xin giới” mỗi nửa tháng, tu nữ đại diện sang chùa Tăng để xin giới, được Thầy Tế độ truyền giới lại. Sau đó, tu nữ trở về trụ xứ cùng nhau đọc Giới để nhắc nhở giới pháp đang lĩnh thọ, đồng thời kiểm điểm trong nửa tháng vừa qua có sai phạm giới điều, có lỗi làm trong đời sống tập thể hay không. Cá nhân phạm lỗi đối trước tập thể tu nữ xin sám hối, phát nguyện sửa đổi để cùng nhau tiến bộ trong tu học. Một số chùa tu nữ, không chỉ mỗi nửa tháng đọc giới, mà hàng ngày sau giờ ăn sẽ đọc lại giới để hằng nhắc nhở tinh tấn hành trì giới trong từng nhịp sống.

Lễ An Cư (Vassà): An cư còn gọi là Nhập hạ, tiếng Pāli gọi là Vassà có nghĩa là đệ tử Phật phát nguyện ở yên một trú xứ trong mùa mưa, có hai thời gian an cư: Tiền an cư (purimika vassupānaya) từ

16-6 ÂL đến 15-9 ÂL; Hậu an cư (pacchimikà vassùpanàyika) từ 16-7 ÂL đến 15-10 ÂL⁸.

Các tu nữ cũng phát nguyện an cư tại ngôi chùa Tăng (tập trung) hoặc tại trú xứ chùa tu nữ phát nguyện ở yên trong chùa suốt ba tháng mùa mưa. Trong thời gian an cư, tu nữ sinh hoạt tu học theo thời khóa quy định với đầy đủ nội dung: tụng kinh, hành thiền, nghe pháp, học kinh, luật, luận pháp thoại, pháp đàm... trau dồi pháp học và pháp hành, giúp tu nữ chuyển hóa thăng hoa trong sự nghiệp giác ngộ giải thoát.

Lễ Tự tứ (pavāranā): Là hình thức thú lỗi lẫn nhau, thỉnh mời người khác chỉ điểm lỗi lầm căn cứ trên ba phương diện do thấy, do nghe, do nghĩ. Thời gian, lễ Tự tứ được tiến hành một lần trong năm sau chín tuần an cư, thông thường nhằm vào ngày 15 tháng 9 Âm lịch. Cách thức hành lễ đơn giản, gần gũi, trang nghiêm và đầy ý nghĩa, sau khi lễ Tam Bảo, quỳ ngời mặt đối mặt đọc lời tự tứ: “Kính bạch quý ngài, trong ba tháng An cư, tôi xin làm lễ Tự tứ với chư Tăng, nếu quý ngài có thấy nghe, hoặc nghĩ những điều gì đối với tôi, xin quý ngài hãy từ bi chỉ bảo, để tôi hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì, lần thứ ba”⁹. Mục đích của lễ Tự tứ là biểu hiện hạnh thanh tịnh hòa hợp của Tăng già. Từ hình thức này, các tu nữ cũng cùng nhau hai người đối mặt nhau, chỉ lỗi lẫn nhau để cùng tiến bộ trong tu tập.

Ứng xử trong tăng đoàn: Cuộc sống không đơn thuần ở mỗi cá nhân tu tập mà còn cộng hưởng tương quan tương duyên với cộng đồng xung quanh. Vì thế, để cùng tu, cùng học trong cùng một môi trường trên tinh thần hòa hợp, tương kính, Đức Phật chế định nguyên tắc sống Lục hòa: “Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp này cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến vô tranh luận, hòa hợp, nhất trí”¹⁰.

Lục hòa là các nguyên tắc để cho các TK, TKN nói riêng, người đệ tử Phật cùng sống chung trong tinh thần hòa hợp, bởi cùng chung một lý tưởng, cùng đi chung một con đường, đồng sống chung trong không khí hòa hợp của đạo lý giải thoát, nên đều phải tương kính, yêu thương lẫn nhau, phải lấy sáu pháp hòa kính của Đức Phật dạy mà cư xử với nhau, phải luôn hòa thuận cùng nhau và tôn trọng tinh thần

Giới - Định - Tuệ, không phân biệt thân sơ nhân ngã, phải giúp đỡ lẫn nhau, trong mọi hoàn cảnh đời sống cũng như trong tu tập.

2. Một số thực hành tu tập của tu nữ Nam tông Kinh

2.1. Các thời khóa tu học hằng ngày

Tu nữ xuất gia ngoài việc học kinh, giới luật, giáo lý phải tham gia hai thời khóa công phu sáng chiều, tham dự hai kỳ sám hối hằng tháng vào ngày 14 và 30. Trong hai ngày sám hối này, tu nữ phải sám hối và xin giới lại với chư tăng. Về pháp hành, vị tu nữ phải chuyên tâm thực hành thiền Vipassana Tứ niệm xứ. Đây là phương pháp tu tập bắt buộc người tu nữ phải thực tập tu niệm mỗi ngày nhằm có được chính niệm và tỉnh thức. Nhờ có chính niệm, người tu nữ sẽ có trí tuệ, có kiến thức, có giới hạnh trang nghiêm.

Đối với Ni giới Việt Nam, ni giới Bắc tông, Khất sĩ, nếp sống sinh hoạt hằng ngày tương đối giống nhau. Thời khóa trong một ngày do mỗi tự viện quy định, hiện nay chưa có tính thống nhất cho các hệ phái. Bắc tông áp dụng theo Tổ Huệ Viễn chia một ngày gồm 6 thời: Công phu khuya, cúng ngọ, thọ trai, công phu chiều, tịnh độ và tọa thiền. Hệ phái Khất sĩ dung hòa giữa hai hệ phái Bắc-Nam, y cứ vào thời tu truyền thống Ni giới Hệ phái Khất sĩ Việt Nam lần thứ 26 tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Trung, An Khê, tỉnh Gia Lai (2017) gồm 4 buổi.

Tu nữ Nam tông Kinh, thời khóa tu học hằng ngày gồm bốn buổi:

Buổi khuya: 4g00' - 6g00', Tu nữ thức dậy vệ sinh cá nhân, kể đến trang nghiêm y phục tập trung tại chính điện bắt đầu cho khóa lễ công phu khuya bằng thời kinh Pāli, kế đến hành thiền tùy theo sức khỏe mỗi người, nhưng ít nhất 90 phút. Thiền Vipassana là pháp tu chính của tu nữ, mỗi ngày ít nhất ba thời hành thiền buổi sáng, buổi trưa và buổi tối. Thiền giúp cho các tu nữ định được thân và kiểm soát tâm. Đức Phật dạy: “Này các Tỳ kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chính trí, chứng ngộ Niết Bàn. Đó là Bốn niệm xứ”¹¹.

Nhờ vào quán niệm như trên, các tu nữ giải quyết những nội kết trong tâm bắt nguồn từ tham, sân và si. Việc kiểm soát tâm trong hành thiền cực kỳ quan trọng, khi nhận rõ được sự vận hành của thân tâm mới quán

sát được thật tướng của các pháp đúng như thật. Phương pháp hành thiền Vipassana tuy đơn giản về hình thức nhưng khá phức tạp về sự vận hành của tâm thức, khi hành thiền thuần thực sẽ mang lại sự khỏe mạnh về thân, sự hỷ lạc về tâm, sự tỉnh thức về cách nhìn vạn pháp.

Buổi sáng: 6g30'-11g30', Tu nữ đi bát, xuất phát tại chùa khất thực xung quanh khu vực thôn xóm, làng, chợ hoặc nơi tín chủ Phật tử thỉnh mời, trở về chùa 7g30' (các chùa đi bát buổi sáng). Sau đó, có khoảng 1 giờ, tu nữ chấp tác quanh khuôn viên chùa. Đối với chùa đi bát vào buổi trưa, xuất phát từ 10g00' - 11g00', sau đó trở về chùa dùng cơm.

Mỗi người một phận sự thực thi theo từng ban: ban hương đăng chăm sóc chính điện, ban hành đường chuẩn bị trai đường... tất cả làm nhịp nhàng với tâm hoan hỷ, hạn chế tối đa việc nói chuyện thế gian.

Kế đến là học kinh, giáo lý, trao đổi Phật pháp, 11g00' thọ trai trước ngõ, tụng kinh quán tưởng bốn món vật dụng để tri ân và trân quý tất cả những hiện vật đang sử dụng với mục đích vì đạo nghiệp để nuôi thân. Thọ trai xong, hành thiền tự do trong ba tư thế oai nghi đi, đứng, ngồi trong khuôn viên chùa. 12g00', nghỉ trưa.

Buổi chiều: 13g30'-18g00', học kinh Pāli, kinh tiếng Việt, giáo lý, nghe pháp, hành thiền, trao đổi Phật pháp... Buổi chiều không ăn.

Buổi tối: 18g00'-21g30', tập trung chính điện tụng kinh Pāli hoặc nghi lễ sám hối sáu căn, sau đó hành thiền hoặc học kinh điển đến giờ đi ngủ.

Ngoài bốn thời hành thiền chính, những thời khóa khác cũng tùy thuộc vào nhu cầu mọi người, tu nữ còn học ngoại điển, tùy thuộc vào thời khóa học để dung hòa giữa hai thời khóa ngoại điển - tu tập, vừa trau dồi kiến thức phổ thông, vừa tuân thủ nếp sống thiền môn. Tu nữ chuyên học nội điển thì tuân thủ nghiêm túc thời khóa.

Nơi sinh hoạt cá nhân, ni giới Bắc tông, Khất sĩ đa phần ở ni chúng mỗi vị một chiếc đơn nhỏ; khoảng bốn, sáu vị ở cùng một phòng, các vị chức sắc ở mỗi vị một phòng. Tu nữ mỗi vị sẽ ở trong sân thất, kích thước bốn mét vuông để ngủ nghỉ, hành thiền.

Nhìn chung, về mốc thời gian trong ngày cả ba hệ phái tương đối giống nhau. Thức dậy trong khoảng thời gian từ lúc 4g00' và ngủ nghỉ 21g00'-21g30', với một hồi kèn vang lên báo hiệu thức chúng. Nội dung tu tập mỗi hệ phái có sự khác biệt mang nét đặc trưng của từng hệ phái.

2.2. Các thời khóa hướng đến xã hội

Tôn giáo luôn thể hiện tinh thần cố kết cộng đồng, yếu tố cộng đồng tạo nền tảng kiên cố cho tôn giáo phát triển vững chắc. Người xuất gia ngoài việc tu tập bản thân có các thời khóa hướng đến xã hội với mục đích duy trì và phát huy nét đặc trưng truyền thống của hệ phái, hòa quyện với bản sắc dân tộc đem đạo vào đời.

Tại các chùa Tu nữ tổ chức nhiều thời khóa trong tháng:

Khất thực: Khất thực Pāli gọi là Pindapata, hành nghi của tăng sĩ Ấn Độ đi xin thức ăn của mọi người để nuôi dưỡng sắc thân, là 1 trong 12 hạnh Đầu đà. Khất thực vốn có hai nghĩa: 1. *Tự lợi:* Dứt bỏ tất cả các việc thế tục, làm phương tiện tu đạo. 2. *Lợi tha:* Tạo cơ hội cho chúng sinh gieo nhân phúc đức. Khất thực thuộc về chính mạng của tăng sĩ¹².

Tu nữ các chùa khảo sát vẫn giữ nét truyền thống khất thực vào Chủ nhật hằng tuần, khất thực quanh khu vực địa phương gieo duyên cho Phật tử được cúng dường. Hành trình khất thực từ 6g30' đến 7g30' (chùa Như Pháp), từ 10g00'-11g00' (chùa Bửu Long, Ni viện Viên Không) sẽ về đến chùa, sắp xếp các vật thực và đứng 11g00' thọ trai. Đây là một cổ lệ “tri bình khất thực giáo hóa chúng sinh” của Tăng sĩ Ấn Độ - một trong những hạnh Đầu đà cao cả, giúp cho người khất thực rèn luyện tâm nhẫn nhục, chuyển hóa tâm tham và ngã mạn đồng thời cũng để vun bồi phúc lành cho chúng sinh.

Lễ thọ hạnh Đầu đà: Đầu đà phiên âm từ chữ Pāli *Dhuta*, còn tiếng Phạn là *Dhudanga*, có nghĩa là hạnh tu khắc khổ, để thực hiện sự dứt bỏ các tham dục. Đây là đường lối tu tập nghiêm khắc, cốt để giữ giới cho thật thanh tịnh, đồng thời có nhiều triển vọng để đắc được Định khi ngồi thiền, và nhờ đó mà phát triển được Trí tuệ, soi sáng các bước đi theo con đường giải thoát, bao gồm 13 hạnh

Đầu đà: *Hạnh phẩn tảo y, Hạnh ba y, Hạnh khát thực, Hạnh khát thực từng nhà, Hạnh nhất tọa thực, Hạnh ăn bằng bát, Hạnh không để dành đồ ăn, Hạnh ở rừng, Hạnh ở gốc cây, Hạnh ở giữa trời, Hạnh ở nghĩa địa, Hạnh nghỉ chỗ nào cũng xong, Hạnh ngồi (không nằm)*¹³.

Hạnh Đầu đà được tổ chức vào buổi tối các ngày lễ lớn (rằm tháng Giêng và rằm tháng Tư), hạnh thứ mười ba ngăn oai nghi nằm trong một đêm để phát triển các oai nghi khác nhằm tiết chế sự mê ngủ. Mỗi chùa tu nữ thiết kế chương trình đêm đầu đà gồm nhiều hình thức sinh hoạt phong phú, như: thuyết pháp, tụng kinh, trà thiền, hành thiền, thảo luận Phật pháp... mục đích là thức trọn đêm an trú trong pháp hành nỗ lực tu tập.

Lễ dâng y Kathina (01/10-âm lịch): Lễ này còn gọi là lễ thọ y hay dâng y. Đức Phật cho phép các tăng đoàn lĩnh thọ: “Này các thầy Tỷ kheo, Như Lai cho phép các thầy đã nhập hạ được lĩnh lễ Kathina (dâng y). Này các thầy tỷ khưu, khi các thầy thọ lĩnh lễ Kathina xong, được 5 điều quả báu. Đây là nhân để chư Tăng được quyền lĩnh lễ dâng y” người khởi xướng lễ dâng y là tín nữ Visākha - một vị đại thí chủ thời Đức Phật¹⁴.

Với truyền thống trên, sau mùa an cư một tháng, lễ dâng y được tổ chức một lần trong năm do chùa tổ chức hoặc Phật tử phát tâm cúng dường. Các Phật tử sắm sanh y phục và vật thực, xếp hàng trang nghiêm, đội y trên đầu, đi nhiều quanh khuôn viên chùa ba vòng, trong lúc đi nhiều, tu nữ ngồi trang nghiêm nơi thọ trai tụng bài kinh Pāli cầu phúc báu cho tín chủ, sau đó Phật tử vào dâng cúng phổ đồng. Tu nữ im lặng thọ nhận cầu nguyện phúc báu cho tín chủ.

Khóa tu xuất gia gieo duyên: Truyền thống này được thực hiện ở các quốc gia PGNT với mục đích mở rộng cánh cửa phương tiện cho những ai có tâm nguyện sống đời phạm hạnh nhưng vì hoàn cảnh chưa thực hiện trọn vẹn trọn đời. Tại Việt Nam, PGNT Khmer vẫn tồn tại hình thức xuất gia gieo duyên, riêng PGNT Kinh, ngày 7/7/2009, Thượng tọa Thích Bửu Chánh, người tiên phong tổ chức khóa tu xuất gia gieo duyên tại Thiền viện Phước Sơn - đồi Lá Giang, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, số lượng người tham dự 150 Phật tử.

Tiếp nối truyền thống này, các chùa Tu nữ Như Pháp, Ni viện Viên Không tổ chức hình thức xuất gia gieo duyên cho thanh thiếu nhi, Phật tử hằng năm, nhằm tạo cơ duyên cho các Phật tử phát tâm xuất gia mà chưa thực hiện được có cơ hội trải nghiệm nếp sống thiền môn trong khoảng thời gian ngắn ba ngày, bảy ngày, số lượng tham gia ngày càng đông. Sinh hoạt theo thời khóa người xuất gia, được lãnh thọ giới pháp tám giới hoặc mười giới, thực hành đầy đủ nghi thức của tu sĩ.

Khóa tu mùa hè: Đây mô hình hoằng pháp năng động dựa trên nhu cầu thực tiễn của xã hội đồng thời cũng mang tính hội nhập của Phật giáo Việt Nam nói chung, PGNT nói riêng. Chùa Như Pháp - Vĩnh Long; Ni viện Viên Không - Bà Rịa - Vũng Tàu do Sư cô Liễu Pháp trụ trì - Ni viện đầu tiên của hệ phái Nam tông tổ chức khóa tu mùa hè có tầm vóc cho giới trẻ trong bảy ngày với mục đích: “tạo điều kiện và môi trường thực hành thuận lợi cho các thanh thiếu niên Phật tử, hay con cháu của các Phật tử và những người có cảm tình với Phật giáo, dựa trên nguyên lý Phật giáo: “Không làm việc ác, làm các việc lành, thanh lọc tâm trí”. Một nguyên tắc cho quá trình này là: “Học để biết. Biết để điều chỉnh hành vi của mình (trong suy nghĩ, lời nói và hành động) từ xấu đến tốt (không gây hại cho bản thân và người khác) để cải thiện bản thân và giúp đỡ mọi người”¹⁵.

Chương trình khóa tu được các chùa thiết kế phù hợp với lứa tuổi tham gia với ba tiêu chí: “Tu học - nghe pháp - vui chơi”. Chương trình tu học là hướng cho giới trẻ có tinh thần tự giác, nghe, học, thực hành để cảm nhận được giá trị an lạc trong nếp sống tri túc nơi cửa đạo; nghe pháp là gợi hứng thú, cởi mở, hấp dẫn để giới trẻ lắng nghe những điều bổ ích, gọi lại những đức tính tốt, trao đổi những vấn đề còn vướng trong lòng để định hướng cuộc sống mới; các khóa tu đều xây dựng sân chơi bổ ích, giúp cho giới trẻ phát huy khả năng bản thân, kích thích sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình để các bạn trẻ có thể tự tin hơn trong cuộc sống¹⁶. Có thể nói, mô hình khóa tu mùa hè tại các chùa Tu nữ là bước tiến thời đại của Ni giới PGNT, đã và đang từng bước hòa mình cùng sự hội nhập của Ni giới hệ phái Bắc tông và Khất sĩ.

Pháp thoại, pháp đàm: Trao đổi và học hỏi nhau về Phật pháp, các

chùa Tu nữ tổ chức các buổi pháp thoại, pháp đàm mỗi nửa tháng. Nội dung bao gồm các bài kinh tụng, giáo lý căn bản. *Vi Diệu Pháp* với hình thức trao đổi phong phú... qua những buổi pháp thoại, pháp đàm làm cho tri kiến Phật pháp được tăng trưởng, con đường thực hành được vững chãi, sự trở ngại khó khăn trong tu tập được hỗ trợ.

Lớp hành thiền và giáo lý: PGNT luôn chú trọng đến hành thiền Vipassana và học tập giáo lý. Hàng tuần, các lớp giáo lý được các tu nữ giảng dạy, để Phật tử hiểu rõ về nền tảng giáo lý, như: Tứ diệu đế, Duyên sinh, Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã... Các bài pháp về tâm trong *Abhidhamma Pitaka* (Tạng *Vi Diệu Pháp*) giúp cho Phật tử dễ dàng quán chiếu diễn biến trạng thái tâm từ một niệm tâm sinh nhỏ (Tâm vương) và những niệm tâm khác từng sinh (Tâm sở) giúp hành giả nhận dạng được thiện, ác hay vô ký trong tu tập nhằm mục đích đánh thức con người thức tỉnh từ nơi tâm ý của chính mình (tự tịnh kỳ ý) để từ đó đi vào một đời sống an lạc giải thoát.

Song song các lớp giáo lý là lớp hành Thiền Vipassana. Chữ “Vipassana” được chia làm hai phần - “Vi” có nghĩa là “bằng nhiều cách” và “passana” có nghĩa là “nhìn thấy”. Vậy, Vipassana có nghĩa là thấy được bằng nhiều cách khác nhau (minh sát). Một cách rõ ràng hơn, Thiền Minh sát là thấy sự vật qua ba đặc tính: Vô thường, Khổ và Vô ngã.

Các tu nữ hướng dẫn một cách cụ thể về lý thuyết, thực hành thiền cho các thiền sinh (Tu nữ, Phật tử) giúp họ loại trừ những bợn nhơ trong tâm, chuyển hóa những nỗi khổ niềm đau giúp tâm bình an tĩnh lặng và có đủ khả năng để chấp nhận những gì xảy ra cho mình. Đây là một phương pháp thực hành đơn giản, thực tế mang lại hiệu quả thiết thực nếu thiền sinh áp dụng hằng ngày trong đời sống.

Một số hoạt động khác: Ngoài những chương trình tu học như trên, các chùa Tu nữ luôn tích cực hưởng ứng mọi phong trào ích đạo đẹp đời của Giáo hội và Nhà nước đề ra.

Đối với xã hội, các tu nữ hoạt động công tác từ thiện theo nhịp phát triển của đất nước, đúng với nhu cầu xã hội thông qua nhiều hình thức, như: mở lớp học Anh văn nâng cao trình độ ngoại ngữ cho các em nhỏ, trang trải lòng từ của người con Phật đến với những mảnh đời bất

hạnh, khuyết tật, nghèo khó, bệnh tật, ghi nhớ công ân của các bậc hữu công với đất nước, như: Lễ Tưởng niệm các anh linh liệt sĩ, viếng thăm tặng quà các Bà mẹ Việt Nam anh hùng,... Đặc biệt, hàng năm, tổ chức tặng quà Trung thu cho các thiếu nhi tại địa phương, hỗ trợ cho các học sinh nghèo vượt khó, v.v...

Kết luận

Như trên đã nói, tu nữ PGNTK đã và đang có những đóng góp đối với cộng đồng và xã hội. Tuy nhiên, hoạt động hoằng pháp, lợi sinh của tu nữ PGNTK vẫn còn bị hạn chế. Một trong những nguyên nhân là, hiện nay tại Việt Nam, tu nữ PGNTK chưa được thừa nhận như một tổ chức Giáo đoàn Tỳ kheo ni. Với việc không/chưa được thừa nhận như một tổ chức chính thống trong Giáo hội và Giáo đoàn tất yếu sẽ hạn chế việc tiếp xúc, mở rộng phạm vi, địa bàn hoạt động Phật sự của tu nữ PGNTK, đặc biệt sẽ không/chưa khai thác năng lực tu tập và hoằng pháp, lợi sinh của tu nữ PGNTK với tư cách là một tổ chức chính thống. Để phát huy vai trò của tu nữ Phật giáo Nam tông Kinh, thiết nghĩ cần có sự xem xét, thừa nhận về mặt tổ chức vị trí và vai trò của Tu nữ PGNTK trong Giáo hội nói chung, Giáo đoàn Nam tông Kinh nói riêng. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Khi Ratthapala hỏi về việc xuất gia, Đức Phật đã giải thích rõ những yêu cầu và quy định. Xem: Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 2*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 2 Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 2*, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 545.
- 3 Phạm Kim Khánh dịch (2009), *Phật giáo nhìn toàn diện*, Nxb. Phương Đông, tr. 595.
- 4 Nhiều tác giả (2016), *Nữ giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr. 4.
- 5 Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 1*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 662-663.
- 6 Nhiều tác giả (2016), *Nữ giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, tr. 16.
- 7 Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ 2*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 733.
- 8 Tỳ khưu Hộ Tông (2010), *Luật Xuất gia tóm tắt*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 371
- 9 Tỳ kheo Thiện Minh (2011), “Tìm hiểu An cư Kiết hạ theo truyền thống Phật giáo Nam tông”, *Phật giáo Nguyên thủy*, tr. 11.
- 10 Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng 5*, Viện Nghiên cứu Phật học

- Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 394.
- 11 Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng 5*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 85.
 - 12 Thích Quảng Độ (2000), *Phật Quang đại từ điển*, quyển 2, 3, 6, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr. 2454.
 - 13 Thích Phước Sơn (2010), *Thanh tịnh đạo luận toàn yếu*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 31.
 - 14 Thông Kham (2011), “Lễ dâng y Kaṭhina”, *Phật giáo Nguyên thủy*, (số 02), tr. 3-4.
 - 15 Bhikkuni Liễu Pháp (2017), “Dạy Phật pháp cho trẻ em ở Việt Nam”, *Đặc san Hoa Đàm*, (số 47), tr. 42.
 - 16 Nhiều tác giả (2018), *Tướng niệm Đức Thánh Tổ Ni Kiều Đàm Di*, Nxb. Hồng Đức, tr. 286.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 1*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 2*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ 2*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng 5*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 2*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Thích Minh Châu (dịch, 2001), *Kinh Tiểu Bộ 1*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Trịnh Thị Dung (Thích Đàm Thanh), (2015), *Sinh hoạt của giới Phật giáo ở Hà Nội hiện nay*, Luận án tiến sĩ Tôn giáo học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
9. Thích Quảng Độ (2000), *Phật Quang đại từ điển*, quyển 2, 3, 6, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản.
10. Nguyễn Đại Đồng (2010), “Ni giới Thăng Long-Hà Nội”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Phật giáo thời Lý với 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*.
11. Thích nữ Như Đức (2002), “Sinh hoạt buổi đầu của Ni giới tại Sài Gòn”, trong *300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu khoa học, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
12. Nhiều tác giả (2010), *Các bài tham luận Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới lần 11 tập 1, 2*, Chùa Phổ Quang, Tp. HCM, từ ngày 28/12/2009 đến 03/01/2010, Sakyadhita Phân ban Đặc trách Ni giới TW GHPGVN, Lưu hành nội bộ.
13. Nhiều tác giả (2016), *Nữ giới Phật giáo Việt Nam: Truyền thống và hiện đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
14. Nhiều tác giả (2017), Kỷ yếu tọa đàm: *Lịch sử hình thành và phát triển Ni giới*, ngày 02 - 03/03/2017, Phân Ban Ni giới Bình Dương, Lưu hành nội bộ.
15. Nhiều tác giả (2018), *Tướng niệm Đức Thánh Tổ Ni Kiều Đàm Di*, Nxb. Hồng Đức.
16. Thiệu Hậu (Kusalapacchā) (2017), *Phật giáo Nam tông Kinh Việt Nam (1938 - 1963)*, Nxb. Hồng Đức.

17. Lê Thu Huyền (2012), *Đời sống của Nữ tu sĩ Phật giáo Việt Nam từ năm 1986 đến nay (Nghiên cứu trường hợp tại các chùa ni ở Quảng Nam - Đà Nẵng)*, Luận văn thạc sĩ Dân tộc học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Tp. Hồ Chí Minh.
18. Thông Kham (2011), “Lễ dâng y Kathina”, *Phật giáo Nguyên thủy*, (số 02), tr. 3-6.
19. Tỳ kheo Thiện Minh (2011), “Tìm hiểu An cư Kiết hạ theo truyền thống Phật giáo Nam tông”, *Phật giáo Nguyên thủy*, (số 10), tr. 9-11.
20. Tỳ kheo Thiện Minh (2014), “Vấn đề Tu nữ Phật giáo Nam tông”, *Phật giáo Nguyên thủy*, (số 43), tr. 9-11.
21. Bhikkuni Liễu Pháp (2017), “Dạy Phật pháp cho trẻ em ở Việt Nam”, *Đặc san Hoa Đàm*, (số 47), tr. 39-43.
22. Tu nữ Siêu Pháp (2009), “Phát biểu của đại diện Tu nữ Nam tông Kinh”, trong *Kỷ yếu Lễ ra mắt Phân Ban đặc trách Ni giới Trung ương nhiệm kỳ VI (2007-2012)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
23. Thích Phước Sơn (2010), *Thanh tịnh đạo luận toàn yếu*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
24. Tỳ khuru Hộ Tông (2010), *Luật Xuất gia tóm tắt*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

PRACTICES OF THERAVADA BUDDHIST NUN AMONG THE KINH PEOPLE AT PRESENT

Ly Hong Tuyen

Department of Religious Studies, GASS

The Theravada Buddhist nun in general and the Theravada Buddhist nun of the Kinh people in particular has not got far-reaching influence on the Buddhist Sangha of Vietnam as well as on society. In Vietnam, the Bhiksuni congregation is not acknowledged by the Theravada Buddhism of the Buddhist Sangha of Vietnam. Although the Theravada Buddhist nun of the Kinh people has had many activities and contribution towards society. This paper sheds a light on the Theravada Buddhist nun of the Kinh people in general and its current practices in particular.

Keywords: Nun; Buddhism; Theravada Buddhism; the Kinh people; practices.